

THÔNG BÁO

Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại Phiên họp thứ 4 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trực tuyến với các địa phương về sơ kết tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia từ năm 2021 đến nay và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia (Ban Chỉ đạo Trung ương) đã chủ trì Phiên họp thứ 4 của Ban Chỉ đạo Trung ương trực tuyến với các địa phương về sơ kết tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia từ năm 2021 đến nay và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới. Cùng dự Phiên họp có Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hầu A Lềnh; lãnh đạo, đại diện các cơ quan: Hội đồng Dân tộc, Ủy ban Xã hội, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Tài chính – Ngân sách của Quốc hội; lãnh đạo, đại diện các Bộ, cơ quan: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn phòng Chính phủ; Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Ngân hàng Chính sách Xã hội. Tại điểm cầu các địa phương có lãnh đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và một số sở, ban, ngành, đơn vị liên quan.

Sau khi nghe Báo cáo tổng hợp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ý kiến phát biểu của lãnh đạo Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, lãnh đạo các Bộ, cơ quan và Ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương có ý kiến như sau:

Đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, cơ quan Trung ương đã cơ bản hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách khung để chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là hoàn thành việc ban hành, sửa đổi, bổ sung 01 Nghị định của Chính phủ, 06 Thông tư và 04 Văn bản hướng dẫn của các Bộ; các địa phương đã hoàn thành việc kiện toàn bộ máy Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp ở địa phương và ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản quản lý, điều hành theo thẩm quyền được phân cấp. Tiến độ giải ngân vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia có chuyển biến tích cực, đến hết tháng 8 năm 2023 giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương của cả 03 chương trình mục tiêu quốc gia đạt khoảng 28,7% kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025; một số chỉ tiêu, mục tiêu đạt và vượt kế



hoạch được Quốc hội giao; một số địa phương đã quyết liệt chỉ đạo, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong quản lý, điều hành và đạt nhiều thành tích nổi bật.

Thay mặt Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương ghi nhận và biểu dương những kết quả tích cực, hành động quyết liệt của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, cấp ủy, chính quyền các cấp và Nhân dân các địa phương trong công tác triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thời gian qua.

Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc như: Tỷ lệ giải ngân tuy có chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp rất thấp; một số địa phương chưa thực sự quan tâm chú trọng nghiên cứu các văn bản mới được Trung ương ban hành, đặc biệt là Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ; năng lực đội ngũ cán bộ thực thi nhiệm vụ ở một số địa bàn, cơ quan, đơn vị còn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có dấu hiệu né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; các dự án, nội dung đầu tư vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, dàn trải; cơ chế lồng ghép, phân bổ nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia còn vướng mắc trong thực tiễn triển khai; cá biệt một số địa phương chưa hoàn thành phân bổ kế hoạch vốn được giao; phát sinh một số vướng mắc, khó khăn liên quan đến nhiều Luật, vượt thẩm quyền xử lý của Chính phủ...

Ghi nhận và cơ bản nhất trí với các nhiệm vụ, giải pháp, đề xuất, kiến nghị của các Bộ, cơ quan, địa phương. Trong thời gian từ nay đến cuối năm 2023 và hết giai đoạn 2021 - 2025, để phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu được Quốc hội giao, quyết tâm giải ngân 100% vốn kế hoạch năm 2022 và tối thiểu 90% vốn kế hoạch năm 2023, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương yêu cầu các Bộ, cơ quan, địa phương nghiêm túc hơn nữa, quyết liệt hơn nữa với quyết tâm chính trị cao nhất, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và người dân với tinh thần trách nhiệm vì mục tiêu chung, khẩn trương triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, các Chỉ thị, Công điện, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Công văn số 555/TTg-QHĐP ngày 16 tháng 6 năm 2023, số 666/TTg-QHĐP ngày 18 tháng 7 năm 2023, Thông báo số 335/TB-VPCP ngày 18 tháng 8 năm 2023 về đẩy nhanh tiến độ giải ngân, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia; thiết lập Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; hướng dẫn các địa phương thực hiện hệ thống mẫu biểu báo cáo về triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm thống nhất, logic, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường

phân cấp trong quá trình nhập, tích hợp thông tin, số liệu báo cáo; hoàn thành trong Quý I năm 2024.

- Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo đúng ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Văn bản số 6503/VPCP-NN ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ; hoàn thành trong tháng 11 năm 2023.

- Cập nhật, bổ sung thông tin, số liệu về kết quả triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2023 và ước thực hiện năm 2023, có văn bản gửi Đoàn Giám sát tối cao của Quốc hội trước ngày 05 tháng 10 năm 2023; tiếp tục phối hợp với Đoàn Giám sát tối cao của Quốc hội để đề xuất, hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội phê duyệt các giải pháp, cơ chế đặc thù nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các Luật, Nghị quyết của Quốc hội trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung, định kỳ hằng tháng báo cáo về việc thực hiện các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương và các nhiệm vụ được giao tại Thông báo này.

2. Ủy ban Dân tộc khẩn trương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hoàn thiện hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật về đầu tư công; báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 27 tháng 9 năm 2023.

- Thông báo mức vốn sự nghiệp năm 2024 và 2025 cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; hoàn thành trong tháng 9 năm 2023.

- Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống quản lý chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; thiết lập liên thông dữ liệu với Hệ thống theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hoàn thành trong Quý II năm 2024.

- Ban hành sổ tay/cẩm nang hướng dẫn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng tăng cường chuyển đổi số và bảo đảm thuận tiện trong quá trình sử dụng; hoàn thành trong tháng 10 năm 2023.

- Thiết lập đường dây nóng hoặc hình thức phù hợp để tiếp nhận thông tin, phản ánh của các địa phương về khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hoàn thành trong tháng 9 năm 2023.



- Ban hành danh sách thôn có tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 15% trở lên và rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định; hoàn thành trong tháng 12 năm 2023.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp để phát động và triển khai thực hiện phong trào thi đua thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hoàn thành trong tháng 11 năm 2023.

3. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội khẩn trương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, đề xuất tiêu chí xác định người lao động có thu nhập thấp là đối tượng thụ hưởng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và giải pháp tháo gỡ vướng mắc đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên trong quá trình triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, báo cáo cấp có thẩm quyền trong tháng 11 năm 2023.

- Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống quản lý chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; thiết lập liên thông dữ liệu với Hệ thống theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hoàn thành trong Quý II năm 2024.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi định mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng trong thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3 chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, báo cáo cấp có thẩm quyền trong Quý IV năm 2023.

- Hoàn thiện hồ sơ sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí quốc gia về xã, huyện nông thôn mới theo đúng ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Văn bản số 6871/VPCP-NN ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 9 năm 2023.

- Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về kỹ thuật và công nghệ thực hiện các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hoàn thành trong tháng 11 năm 2023.

- Xây dựng, hoàn thiện chỉ số, biểu mẫu giám sát, đánh giá và Hệ thống quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; thiết lập liên thông dữ liệu với Hệ thống theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hoàn thành trong Quý II năm 2024.

5. Đề nghị Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam:

- Sớm hoàn thiện, ban hành các tài liệu hướng dẫn triển khai các mô hình, hoạt động thực hiện Dự án 8 chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nghiên cứu, bổ sung Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đối với các nội dung về thiết lập địa chỉ an toàn, hỗ trợ xây dựng mô hình công nghệ 4.0 và thành lập Đoàn giám sát bảo đảm cụ thể, thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện.

6. Các Bộ, cơ quan: Công an, Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Y tế, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ngân hàng Chính sách xã hội khẩn trương nghiên cứu, có văn bản hướng dẫn, trả lời kiến nghị của các địa phương theo phân công tại các Phụ lục kèm theo (từ Phụ lục I đến Phụ lục XVII), đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan Chủ chương trình mục tiêu quốc gia, Văn phòng Chính phủ và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hoàn thành trong tháng 9 năm 2023.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Khẩn trương rà soát, có văn bản đề xuất cụ thể các chỉ tiêu, mục tiêu được giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ cần điều chỉnh, gửi các Bộ, cơ quan Chủ Chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 15 tháng 10 năm 2023 để rà soát, tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 10 năm 2023. Trên cơ sở kết quả tổng hợp, đề xuất của các Bộ, cơ quan Chủ Chương trình mục tiêu quốc gia, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh theo quy định và bảo đảm phù hợp tình hình thực tiễn của các địa phương; hoàn thành trước ngày 20 tháng 11 năm 2023.

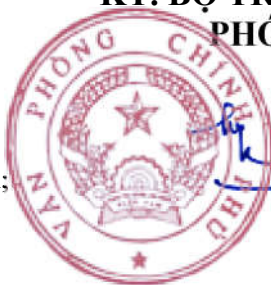
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp chỉ đạo công tác đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của địa phương, không để xảy ra tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTgCP, các PTTgCP;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Các Ủy ban của Quốc hội: Kinh tế, Xã hội, Tài chính – Ngân sách;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN: Cao Huy, Mai Thị Thu Vân, Nguyễn Sỹ Hiệp, Trợ lý TTgCP, Thư ký PTTgCP; các Vụ: TH, KTTH, NN, CN, KGVX, TCCV; Cục KSTTHC; Công TTĐTCP;
- Lưu VT, QHĐP (03). S.Tùng.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Cao Huy



Phụ lục I
BỘ CÔNG AN

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN	Đề nghị có hướng dẫn cụ thể đối với tiêu chí 19.2 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và đề xuất lộ trình áp dụng thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho phù hợp. Trong đó, đề nghị làm rõ xác định như thế nào là công dân cư trú trên địa bàn; thời điểm xác định tội phạm nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng (thời điểm theo bản án của Tòa hay thời điểm xảy ra vụ án).





Phụ lục II
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	ĐIỀN BIÊN	Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm triển khai Kế hoạch thực hiện các nội dung: Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú; nội dung bồi dưỡng, tập huấn, truyền thông, tuyên truyền về xóa mù chữ để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ và giải ngân nguồn vốn của Chương trình.
2	SÓC TRĂNG	Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét cho ý kiến đối với việc thực hiện mua sắm thiết bị gắn với các công trình nâng cấp, cải tạo đang triển khai năm 2022 và 2023 bằng nguồn vốn đầu tư phát triển đã được UBND tỉnh Sóc Trăng ghi vốn năm 2022 và năm 2023 để thực hiện giải ngân trong năm 2023 (Theo Công văn số 2184/BGDĐT-GDDT ngày 26/5/2022 của Bộ GDĐT). Đối với mua sắm thiết bị riêng, không theo công trình đầu tư xây dựng mới, thì tỉnh sẽ mua sắm thiết bị từ nguồn vốn sự nghiệp theo Công văn số 1856/BGDĐT-GDDT ngày 26/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3	AN GIANG	Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động thương binh và Xã hội có văn bản hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 5.1 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục “cấp độ 1” (thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới ban hành kèm Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ) và chỉ tiêu 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục “cấp độ 2” (thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao ban hành kèm Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).



Phụ lục III
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	ĐIỀN BIÊN	Đề nghị hướng dẫn Chỉ tiêu 2.1, 2.2 về đường giao thông “sáng - xanh - sạch - đẹp” trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao để địa phương có căn cứ hướng dẫn đánh giá, thẩm định tiêu chí theo đúng quy định.



Phụ lục IV
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	LẠNG SƠN	Hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện các nội dung công việc có sự trùng lặp (ví dụ: công tác hỗ trợ đào tạo nghề chung, tư vấn - giới thiệu việc làm, giảm nghèo cho tất cả các đối tượng).
2	SÓC TRĂNG	Tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định: “b) Lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia chỉ thực hiện trong trường hợp có sự trùng lặp đồng thời về nội dung, đối tượng và phạm vi, địa bàn thực hiện. Việc lồng ghép phải đảm bảo không làm thay đổi các mục tiêu, nhiệm vụ của từng Chương trình”. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn của Trung ương cho đến nay chưa quy định cụ thể cơ chế lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp trong thực hiện cùng nội dung chính sách hỗ trợ của các CTMTQG cụ thể như: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng của Tiểu dự án 2, Dự án 3 thuộc CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN và Dự án 2 Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, có cùng đối tượng là hộ nghèo và cận nghèo trên cùng một địa bàn đầu tư cấp xã thì các đối tượng này có được hỗ trợ cùng một lúc từ 02 CTMTQG hay không.
3	QUẢNG TRỊ	Về phương án mua sắm và đầu mối mua sắm: tại điểm đ, khoản 3, Điều 21, Điều 22 Nghị định 38/2023/NĐ-CP quy định phương án mua sắm và đầu mối mua sắm do hội đồng thẩm định quyết định; Văn bản 5220/BKHĐT-TCTT ngày 05/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ quan thẩm định phương án mua sắm là tổ chức, cơ quan nhà nước thì việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp lựa chọn chủ trì liên kết (cơ quan, tổ chức ngoài nhà nước) hoặc đại diện cộng đồng dân cư thực hiện phương án mua sắm thì hội đồng thẩm định/tổ thẩm định phải thẩm định phương

		án giá mua sắm do cho chủ trì liên kết hoặc đại diện cộng đồng đề xuất. Đề nghị xem xét tính pháp lý của Luật Đấu thầu và các thông tư hướng dẫn thực hiện mua sắm của Bộ Tài chính.
4	QUẢNG NAM	Kiến nghị Quốc hội xem xét đối với những nội dung 02 Chương trình MTQG còn lại (MTQG giảm nghèo và MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS miền núi) nếu không thực hiện được, không khả năng giải ngân hết đến năm 2025, thống nhất cho HĐND cấp tỉnh điều chỉnh nguồn vốn sang cho Chương trình NTM để thực hiện, nhưng không thay đổi tổng nguồn trung hạn TW đã giao cho 03 Chương trình MTQG (vì hiện nay Chương trình NTM có rất nhiều nội dung chi, phạm vi thực hiện rộng hơn 02 Chương trình MTQG còn lại; Chương trình NTM thiết kế theo hướng đầu tư 11 nội dung cho tất cả các lĩnh vực liên quan ở nông thôn, còn 02 Chương trình kia thiết kế theo dự án thành phần) nên Chương trình NTM để chi hơn.
5	AN GIANG	Đề nghị Trung ương quy định tỷ lệ mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương cụ thể (thay thế các nội dung yêu cầu địa phương trình HĐND tỉnh) để thuận lợi cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện và thuận lợi cho công tác thanh tra kiểm toán sau này.
6	SƠN LA	Theo khoản 3 Điều 53, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: “Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch”. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có hướng dẫn địa phương trong việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư, sự nghiệp đối với nguồn vốn năm 2022 được kéo dài sang năm 2023 đối với 3 Chương trình MTQG
7	QUẢNG TRỊ	Tại khoản 3, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 6, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định: “Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 5 năm của chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương”.

		Tại khoản 22, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 40, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: “Phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; kế hoạch đầu tư vốn, dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu hằng năm;...” Tuy nhiên, những nội dung trên chưa phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công 2019, cụ thể: - Tại điểm a, khoản 6, Điều 67 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm “Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu thuộc quản lý của cấp mình nhưng không vượt quá tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch”. - Tại khoản 2, Điều 83, Luật Đầu tư công năm 2019 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: “Xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu”. Như vậy, các quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP nêu trên là không cần thiết, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.
8	HÀ GIANG	Tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP và Nghị định 38/2023/NĐ-CP: Nội dung hỗ trợ tại Điểm c, Khoản 4, Điều 21 và Điểm b, Khoản 4, Điều 22 “Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất...” còn rất chung chung, chưa cụ thể dẫn tới cách hiểu và áp dụng vào thực tế rất khó khăn, không biết hỗ trợ có đúng hay không. Đề nghị Chính phủ xem xét có quy định cụ thể. Tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP và Nghị định 38/2023/NĐ-CP: Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị tại Điều 21 có giao cho cơ quan chủ quản làm chủ đầu tư và được giao dự toán (Ban Dân tộc tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT), sau khi hoàn tất thủ tục phê duyệt dự án, các Sở, ngành này ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai dự án; như vậy sẽ rất khó khăn trong tổ chức thực hiện, do nguồn kinh phí tỉnh Hà Giang cơ bản đã phân cấp về cấp huyện triển khai thực hiện. Đề nghị Chính phủ xem xét sửa đổi nội dung này và nên giao về cho cấp huyện triển khai.

9	HÀ GIANG	Tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP và Nghị định 38/2023/NĐ-CP: Nội dung yêu cầu các thông tin và các phương pháp tính toán cần phải có trong hồ sơ đề xuất dự án (Khoản 2, Điều 22) quá nhiều, vượt quá khả năng và trình độ của cộng đồng dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số, dẫn tới triển khai đề xuất dự án rất khó khăn. Đề nghị Chính phủ xem xét chỉnh sửa quy định những nội dung đơn giản, phù hợp với trình độ cộng đồng dân cư.
10	HÀ GIANG	Tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP và Nghị định 38/2023/NĐ-CP: Nội dung sửa đổi Điều 21 về hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (Điểm b, Khoản 2), Điều 22 về hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Khoản 2) vẫn quy định trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phải trình HĐND tỉnh quy định. Như vậy, là không cần thiết, làm phát sinh thời gian và thiếu linh hoạt trong tổ chức thực hiện. Đề nghị Chính phủ xem xét nghiên cứu chỉnh sửa quy định, bỏ yêu cầu này.
11	HÀ GIANG	Tại mục 5 Điều 20 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định “Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia...”. Như vậy, nếu trên 01 địa bàn đã có 01 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất rồi (theo đó phải có trên 50% người dân tham vào dự án) thì số dân còn lại nhỏ hơn 50% sẽ không có cơ hội tham gia dự án khác tại địa bàn (do người dân ở địa bàn khó khăn của tỉnh Hà Giang, trên 70% hộ nghèo và cận nghèo không có điều kiện tham gia nhiều dự án của Chương trình khác). Đề nghị Chính phủ xem xét không quy định nội dung đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án...mà chỉ nên quy định nhóm hộ, để nhiều người dân được tham gia các dự án khác nhau, qua đó phát triển nhiều sản phẩm khác nhau, dễ thực hiện hơn ở cơ sở.
12	YÊN BÁI	Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ sửa đổi Luật Đầu tư công năm 2019 và Nghị định số 27/2022/NĐ-CP 19/4/2022 của Chính phủ theo hướng có chế đặc thù trong việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương, trong đó chỉ phân bổ chi tiết cho các đơn vị đến dự án thành phần, danh mục ưu tiên (nếu có)
13	HÀ GIANG	Hiện nay, mỗi Chương trình mục tiêu quốc gia được thiết kế quy định rất nhiều dự án, tiểu dự án (trong mỗi tiểu dự án lại chia ra nhiều nội dung thực hiện) do đó khối lượng văn bản từ trung ương, cấp tỉnh,

		huyện, xã phải ban hành để thực hiện là rất lớn, một số nội dung chưa đồng nhất hoặc trùng lặp, việc nghiên cứu để triển khai tại cơ sở gặp nhiều khó khăn (ví dụ, các Chương trình đều có dự án hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị; hỗ trợ sản xuất theo cộng đồng ...), thậm chí còn khác nhau về định mức hỗ trợ. Đề nghị Quốc hội xem xét nghiên cứu rà soát, lồng ghép tích hợp một số dự án, tiểu dự án có cùng mục tiêu, phạm vi, đối tượng thực hiện tương đồng vào cùng 01 Chương trình mục tiêu quốc gia để đảm bảo tính đồng bộ, giảm đầu mối, dễ triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026-2030
14	ĐIỆN BIÊN	Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành chủ quản của 03 Chương trình nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung theo hướng gộp 3 chương trình thành 1 chương trình MTQG (trong dài hạn); còn trước mắt cần rà soát lại các nội dung có cùng mục tiêu, nội dung hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ của 3 chương trình để thống nhất một cơ quan chủ quản chủ trì hướng dẫn thực hiện (đặc biệt là nội dung liên quan đến hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo).
15	LÀO CAI	Khoản 3 Điều 14 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022: Đề nghị: Công trình được áp dụng theo cơ chế đặc thù đối với loại dự án công trình theo tuyến như đường giao thông nông thôn, kênh thủy lợi thì không quy định tổng mức đầu tư (hoặc nâng mức tổng vốn đầu tư dự án từ 5 tỷ đồng thành 15 tỷ đồng). Lý do: Đối với các loại công trình này, tổng mức đầu tư phụ thuộc theo chiều dài tuyến. Bên cạnh đó, thực tế tại các địa phương để tổ chức thực hiện đầu tư công trình có hiệu quả cần ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách và huy động xã hội hóa là theo định mức cho 1 đơn vị chiều dài (km). Do đó, việc giới hạn tổng mức đầu tư dự án (5 tỷ đồng) được áp dụng cơ chế đặc thù đối với các loại công trình này sẽ gây khó khăn cho địa phương trong bố trí đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư trên 5 tỷ đồng (phải đầu tư theo cơ chế, định mức, đơn giá xây dựng thông thường, sẽ không huy động được nguồn lực đầu tư). Đề nghị Chính phủ cho phép: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế quy định Tiêu chí về tổng mức đầu tư để xác định dự án được áp dụng cơ chế quản lý đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ở địa phương.
16	THÁI BÌNH	Đối với các dự án không có cấu phần xây dựng cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Đầu tư công năm 2019 “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc

		giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định dự án”; chưa quy định, trường hợp cấp xã không đủ năng lực thẩm định dự án thì có thể đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định (tương tự như các công trình có cấu phần xây dựng); do vậy, nhiều xã gặp khó khăn do năng lực cán bộ, các bộ phận chuyên môn còn hạn chế trong việc thẩm định dự án. Đề nghị bổ sung trong Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định đối với dự án không có cấu phần xây dựng như sau: “Trường hợp cấp xã không đủ năng lực thẩm định dự án thì Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định theo quy định”.
17	SÓC TRĂNG	Ngày 24/6/2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, những khó khăn, vướng mắc đã đảm bảo cơ sở pháp lý để triển khai nội dung thuộc Chương trình. Tuy nhiên tại Mẫu số 02 kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP tại phần Giấy đề nghị gửi Kho bạc Nhà nước quy định phải có Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án thực hiện chính sách. Trong khi đó theo tại Điều 12 Thông tư 02/2022/TT-UBDT và Công văn số 1500/UBDT-CSĐT ngày 12/9/2022 chỉ hướng dẫn phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng theo thẩm quyền không yêu cầu xây dựng Đề án. Hiện nay, địa phương đang gặp khó khăn trong việc thanh toán vốn do phía Kho bạc Nhà nước yêu cầu phải có Quyết định phê duyệt Đề án thực hiện chính sách.
18	QUẢNG TRỊ	Bổ sung quy định hỗ trợ dự án liên kết đối với chương trình và bổ sung nội dung hỗ trợ thiết bị, máy móc và hạ tầng phục vụ cho các hoạt động sơ chế, chế biến của chuỗi liên kết và quy định mức hỗ trợ phải đồng bộ với các chương trình (Nghị định 57/2018/NĐ-CP và Quyết định 1804/QĐ-TTg).
19	T.P HỒ CHÍ MINH	Kiến nghị Chính phủ cho phép sử dụng vốn đầu tư công từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững như đối với các tỉnh có chuẩn nghèo đúng quy định; đồng thời cần có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện các chính sách, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo ở địa phương.

20	HẢI DƯƠNG	Trong điều kiện hướng tới kinh tế số, nhiều HTX có số thành viên ít nhưng vẫn cung cấp ra thị trường khối lượng dịch vụ (sản phẩm) lớn và đem lại hiệu quả cao trong sản xuất, do vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét quy định về quy mô thành viên đủ lớn đối với HTX đạt tiêu mục 13.1 (Tiêu chí số 13).
21	CAO BẰNG	Đề nghị hướng dẫn các địa phương lồng ghép vốn của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn các huyện nghèo và các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm d, đ phần 1, mục VI, Quyết định số 263/QĐ- TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.





Phụ lục V

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	LẠNG SƠN, SÓC TRĂNG	Bổ sung vốn cho CTMTQG giảm nghèo bền vững để các địa phương đầu tư cơ sở hạ tầng, phấn đấu hoàn thành mục tiêu về giảm nghèo theo Quyết định số 90/QĐ-TTg.
2	QUẢNG TRỊ, SÓC TRĂNG, CÀ MAU	Đề nghị TW cho phép ĐP linh động điều chỉnh kinh phí dự toán năm 2022, 2023 giữa các dự án, nội dung trong cùng 1 dự án đảm bảo không thay đổi tổng dự toán của từng dự án thuộc CT MTQG giảm nghèo bền vững.
3	HÀ GIANG, TUYÊN QUANG, CAO BẰNG, LẠNG SƠN, LÀO CAI, YÊN BÁI, THÁI NGUYÊN, BẮC CẠN, BẮC GIANG, HÒA BÌNH, QUẢNG NINH, HƯNG YÊN, NAM ĐỊNH, NINH BÌNH, NGHỆ AN, QUẢNG TRỊ, THỪA THIÊN HUẾ, QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN, NINH	Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sớm có văn bản hướng dẫn làm rõ các nội dung: - Hướng dẫn đối với Dự án 1 Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo - Hướng dẫn thực hiện các mô hình giảm nghèo phi nông nghiệp, như mô hình giảm nghèo gắn với dịch vụ, du lịch, thương mại, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh thuộc Dự án 2. - Hướng dẫn “Người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)”, “người dân” trên địa bàn nông thôn và “lao động nông thôn” và quy định rõ nhóm địa bàn “vùng nghèo, vùng khó khăn” thuộc phạm vi, đối tượng của Tiểu dự án 1, dự án 4; hướng dẫn mức chi cho đối tượng thuộc hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4; hướng dẫn cụ thể về nội dung và mức chi phát triển chương trình, học liệu đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng. - Hướng dẫn dẫn nội dung hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn vùng nghèo, vùng khó khăn. - Hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn và Tiểu

	THUẬN, ĐẮK LẮK, GIA LAI, LÂM ĐỒNG, TIỀN GIANG, VĨNH LONG, SÓC TRĂNG	dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Dự án 4).
4	CAO BẰNG	Đề nghị xem xét, điều chỉnh Cơ chế chính sách quản lý và tổ chức thực hiện Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cho phù hợp vì hiện nay, theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Chính phủ thì cơ quan chủ trì thực hiện Dự án 2 là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đến các địa phương cũng thực hiện phân cấp cho cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện, trong quá trình thực hiện gặp rất nhiều khó khăn do không có chuyên môn về xây dựng, quản lý đầu tư công, về lĩnh vực phát triển sản xuất, không nắm được các chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực này nên khó triển khai thực hiện và không đảm bảo tính hiệu quả.
5	LẠNG SƠN	Đề nghị bổ sung thêm cơ chế chính sách đối với các hộ mới thoát cận nghèo, hộ có thu nhập thấp tham gia các dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và đối tượng thụ hưởng rộng hơn; thêm nhiều nội dung triển khai đối với Tiểu dự án 1 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn) thuộc Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.
6	YÊN BÁI, ĐIỆN BIÊN, GIA LAI, TRÀ VINH	Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương nghiên cứu, tham mưu đề xuất với Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, nâng mức hỗ trợ học nghề theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (với mức hỗ trợ học nghề hiện nay, một số nghề mức chi phí chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo) lên mức tối thiểu 50.000 đ/ngày (Yên Bái, Điện Biên, Gia Lai), hoặc lên mức 100.000đ/ngày (Trà Vinh).
7	LẠNG SƠN, LÀO CAI, THÁI NGUYÊN, THỪA THIÊN-HUẾ	- Hướng dẫn cụ thể về cách thức đo lường và lồng ghép, bố trí kinh phí cho đo lường chỉ tiêu “Hộ được hỗ trợ giảm nghèo về thông tin, tiếp cận các dịch vụ viễn thông, internet” (chỉ số 24, biểu số 01, Thông tư

		số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022) để đơn vị có cơ sở để tổ chức triển khai. - Hướng dẫn đồng bộ cấp địa phương trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, tham mưu đề xuất Chính phủ tăng kinh phí trung ương phân bổ cho cấp tỉnh để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm trong công tác tổng hợp, thu thập thông tin và thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025. - Xem xét điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu số 5 tại phiếu B1 và phiếu xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình: + Đối với chỉ tiêu số 5: hộ có ít nhất 01 người đang làm việc phi nông nghiệp (làm việc từ 03 tháng trở lên trong 12 tháng qua) tại mục “làm việc có hợp đồng lao động và làm thuê/làm công cho hộ gia đình/tự sản xuất kinh doanh” đề nghị điều chỉnh bổ sung tính thêm điểm đối với hộ có 02 người, 03 người... + Đối với phiếu xác định hộ có mức sống trung bình đề nghị xem xét ban hành phiếu chấm điểm như phiếu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy định mức điểm đối với hộ có mức sống trung bình. + Nghiên cứu sửa đổi bổ sung công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, cụ thể: Bổ sung tiêu chí tài sản chủ yếu như máy xúc, xay xát, máy tuốt lúa, máy gặt, máy cấy, máy nông nghiệp vào trong Bảng chấm điểm Phiếu B1 vì thực tế hộ có tài sản trên nhưng không có điểm, trong khi đó đối tượng rà soát là hộ nghèo, hộ cận nghèo của năm trước, không thuộc đối tượng rà soát nhanh bằng Phiếu A.
8	HÒA BÌNH, BÌNH ĐỊNH, ĐẮK LẮK, GIA LAI	Đề nghị Trung ương: - Sớm ban hành hướng dẫn nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu về người lao động (cách nhập dữ liệu vào phần mềm quản lý dữ liệu quốc gia...). - Sớm chuyển giao phần mềm về quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo để thuận tiện trong công tác quản lý, theo dõi đối tượng.
9	T.P HÀ NỘI	Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi quy định hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được cấp thẻ BHYT được tính là hộ gia đình có thẻ BHYT trong đánh giá chỉ tiêu về y tế trong rà soát hộ nghèo.

10	HẢI PHÒNG	Đề nghị Trung ương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sớm ban hành quy định về hỗ trợ cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo; mở rộng đối tượng thụ hưởng là người có thu nhập thấp, khó khăn nhưng có ý chí, khát vọng làm giàu.
11	HUNG YÊN, GIA LAI	Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: - Có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể những vướng mắc trong bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm đảm bảo phân tích chính xác mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản ở các địa phương để làm cơ sở xây dựng, thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững. - Điều chỉnh bộ công cụ đánh giá, đo lường hộ nghèo, hộ cận nghèo phù hợp với tình hình thực tế của từng vùng miền, khu vực (đặc biệt Khu vực Tây Nguyên); xem xét bổ sung điểm ở nội dung đất trồng cây hàng năm để phù hợp với đặc điểm sản xuất vùng nông nghiệp ở Tây Nguyên, đồng thời có các hướng dẫn cụ thể hơn về các nội dung trong bộ công cụ rà soát.
12	QUẢNG NAM	Đề nghị cho ý kiến đối với những trường hợp người lao động đã tham gia các khóa học nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng trong năm 2022 theo Quyết định số 90/QĐ/TTG ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (có hiệu lực từ ngày 18/01/2022) trước thời điểm Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTB&XH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có hiệu lực thi hành có được thanh toán các chi phí hỗ trợ theo quy định không?
13	QUẢNG NGÃI	Đề nghị: - Có các chính sách để tác động trực tiếp đến chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo hộ cận nghèo. Đồng thời, việc thiết kế các chỉ số thiếu hụt đa chiều cần đi đôi với khả năng thực hiện các chính sách giải quyết chỉ số thiếu hụt đó. - Quy định mức hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để địa phương căn cứ xây dựng định mức hỗ trợ.
14	T.P HỒ CHÍ MINH	Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: - Không đo chỉ số thiếu hụt trình độ giáo dục - đào tạo của người lớn đối với các thành viên không còn

		khả năng học tập, học nghề do bị tai nạn, bệnh Down, tâm thần, bại não... - Xem xét điều chỉnh đo lường chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học của trẻ em là “hộ có ít nhất 01 trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi” thành “hộ có ít nhất 01 trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không đi học (trừ trẻ bị bệnh Down, tâm thần, bại não...)”.
15	ĐIỆN BIÊN, ĐỒNG NAI	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 để một số tiêu chí tài sản quy định phù hợp với tính chất vùng miền hơn tạo thuận lợi trong việc xác định mức độ chính xác trong công tác rà soát hộ nghèo, cụ thể: (1) Tiêu chí số 5, đề nghị quy định có 1 người, có từ 02 người trở lên; tiêu chí 12 về tài sản, một số tài sản chưa phù hợp, đề nghị bổ sung cho điểm đối với các loại máy móc, nông cụ có giá trị cao như máy cày, máy tuốt lúa, máy cưa, máy xẻ, máy xay sát thóc ngô, máy xúc đất là những máy móc chủ yếu của người dân; tiêu chí 14 về chăn nuôi: Đề nghị quy định số lượng con trâu, bò, ngựa từ 3-5, từ 6-10 và từ 10 trở lên (Điện Biên); (2) Đề nghị sửa đổi Thông tư hướng dẫn rà soát, điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với hộ có tài sản nhưng không có thu nhập và ngược lại để tạo điều kiện cho công tác điều tra theo chuẩn trung ương được thuận lợi (Đồng Nai).
16	HẬU GIANG	Đề nghị trung ương: - Cần có những chính sách hỗ trợ tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, có như vậy, người nghèo mới thật sự thoát nghèo một cách bền vững. - Bãi bỏ, điều chỉnh các chính sách mang tính cho không hoặc bao cấp đối với người nghèo tại vùng đặc biệt khó khăn nhằm hạn chế tâm lý trông chờ, ỷ lại, thiếu ý thức vươn lên của một bộ phận người dân, như: chính sách hỗ trợ 100% mệnh giá thẻ bảo hiểm y tế cho người dân sống tại vùng đặc biệt khó khăn (trong khi có một bộ phận người dân có đời sống kinh tế tương đối khá giả, không nhất thiết phải hỗ trợ), mà tập trung nguồn lực này đầu tư cho người nghèo thực hiện các mô hình phát triển sản xuất, hỗ trợ cho giáo dục, đào tạo nghề, xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu.
17	CÀ MAU	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét theo hướng mở rộng các nội dung được thực hiện về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn không phải vùng nghèo, vùng khó khăn gồm: Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ

		sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý; khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm; phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã.
18	CAO BẰNG	Đề nghị Chính phủ cho tỉnh Cao Bằng được điều chỉnh nguồn vốn thực hiện dự án 2 và tiểu dự án 1 (dự án 4) của CTMTQG giảm nghèo bền vững do khả năng không thực hiện được (do các khó khăn đã nêu) chuyển sang thực hiện Dự án 5 để đáp ứng nhu cầu thực tế tại địa phương.
19	LẠNG SƠN	Đề nghị Trung ương điều chỉnh giảm phần kinh phí sự nghiệp năm 2023 và năm 2022 kéo dài sang năm 2023 của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững của tỉnh Lạng Sơn do kinh phí phân bổ nhiều hơn nhu cầu, không còn đối tượng hoặc vướng thủ tục không thể thực hiện được. Tổng kinh phí đề nghị điều chỉnh giảm (trả lại NSNN) là 28,187 tỷ đồng (bao gồm: năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 9,376 tỷ đồng, năm 2023 là 18,811 tỷ đồng).
20	HẢI DƯƠNG	Đề nghị hướng dẫn các địa phương trong việc tổng hợp, báo cáo về hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm để các địa phương có cơ sở thực hiện.
21	BÌNH ĐỊNH	Đề nghị trung ương sớm hướng dẫn thực hiện nội dung 12.3 thuộc Tiêu chí 12 - Lao động (Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao).



Phụ lục VI

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	BẮC CẠN	Tại QĐ 1067/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính phân bổ kinh phí Tiểu dự án 1, Dự án 3 là 72.328 triệu đồng. Tuy nhiên, năm 2022 chỉ thực hiện được 17.335,65 triệu đồng, còn dư 54.972,35 triệu đồng do không có cơ sở khối lượng thanh toán. Vì vậy, Đề nghị TTCP đồng ý cho tỉnh sử dụng một phần kinh phí từ nguồn vốn của Tiểu dự án 1 để thanh toán nhân công khoán bảo vệ rừng
2	LẠNG SƠN, BẮC GIANG, BÌNH ĐỊNH	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung đối tượng thôn đặc biệt khó khăn không thuộc các xã khu vực II, III được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 theo Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ về phê duyệt CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I từ năm 2021 – 2025.
3	NGHỆ AN, GIA LAI	Đề nghị Bộ NNPTNT xem xét: - Bổ sung Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 theo hướng bổ sung đối tượng là các hộ gia đình sinh sống tại thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I (KV1) được hưởng chính sách giao khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng như các xã KV2, KV3. - Quy định chi tiết thêm về nội dung hướng dẫn tại Điều 22, Thông tư số 12/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022, cụ thể là việc xây dựng dự án về trợ cấp gạo thực hiện bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ; hướng dẫn cụ thể việc chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định cụ thể đối tượng hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực; xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT và hướng dẫn để địa phương triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 3 theo đúng quy định.

4	BÌNH ĐỊNH	Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tham mưu Thủ tướng Chính phủ bổ sung đối tượng thôn ĐBK không thuộc các xã khu vực II, III được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc nội dung Tiểu dự án 1 của Dự án 3 theo quy định tại Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ. Tỉnh Bình Định hiện có 07 thôn đặc biệt khó khăn không thuộc đối tượng nên người dân sinh sống gặp khó khăn do không được thụ hưởng chính sách
5	DIỆN BIÊN	Tham mưu trình cấp có thẩm quyền sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (CMĐSDR) tự nhiên sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án đảm bảo thống nhất giữa pháp luật về lâm nghiệp và pháp luật về đất đai như sau: Đối với các dự án đầu tư có CMĐSDR tự nhiên đã đảm bảo tiêu chí dự án cấp thiết được CMĐSDR tự nhiên theo quy định tại Điều 41a, Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sẽ thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương CMĐSDR sang mục đích khác theo phân cấp thẩm quyền quy định tại Điều 20, Luật Lâm nghiệp.
6	LAI CHÂU, GIA LAI	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Có hướng dẫn cụ thể đối với việc trên cùng một diện tích thực hiện khoán bảo vệ rừng, bảo vệ rừng có được nhận cùng lúc tiền thu được từ nguồn dịch vụ môi trường rừng và nguồn vốn hỗ trợ khoán, bảo vệ rừng của tiểu dự án 1, dự án 3 thuộc Chương trình. - Hướng dẫn cụ thể địa phương đã được hưởng hỗ trợ bảo vệ rừng; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung đã được địa phương chi trả từ nguồn dịch vụ môi trường rừng thì có tiếp tục được hưởng chính sách tại Tiểu dự án 1, Dự án 3 Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ hay không?
7	LAI CHÂU	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách đặc thù về: - Sắp xếp, bố trí dân cư trên tuyến biên giới, đầu tư xây dựng các công trình trên biên giới, nhất là các công trình kè bảo vệ bờ sông, suối, đường tuần tra, đường ra biên giới... phục vụ công tác quản lý bảo vệ biên giới. - Đề án thí điểm nuôi trồng dược liệu dưới tán rừng (nhất là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng); Đề án

		phát triển cây Sâm Việt Nam, trong đó có Sâm Lai Châu; Đề án phát triển du lịch gắn với vùng sinh thái rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. - Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ trong đó nâng mức hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh không trồng bổ sung từ 3 triệu đồng/ha/6 năm lên 6 triệu đồng/ha/6 năm. - Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018 của Chính phủ trong đó nâng mức chi trả dịch vụ môi trường rừng: thủy điện từ 36 đồng/kWh lên 50 đồng/kWh, nước sạch từ 52 đồng/m³ lên 70 đồng/m³; cho phép sử dụng một phần chi phí quản lý cấp tỉnh để thực hiện công tác đầu tư trồng rừng phòng hộ và hỗ trợ phát triển rừng sản xuất.
8	BẮC CẠN, CẦN THƠ	Đề nghị phân cấp cho các địa phương quy định cụ thể mức độ đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chí (nghèo đa chiều, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng) để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc.
9	HÀ GIANG	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thì tỉnh phải ban hành định mức kinh tế kỹ thuật. Đây là nội dung khó, việc xây dựng định mức KTKT phải có sự theo dõi đánh giá giữa thực tế thực hiện và nghiên cứu, phân tích công phu; do vậy với khả năng của tỉnh thì việc này rất khó khăn. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định nội dung này hoặc lập nhu cầu tổng mức theo từng dự án cụ thể.
10	HÀ GIANG, TUYÊN QUANG, LẠNG SƠN, BẮC GIANG, HÒA BÌNH, SƠN LA, HƯNG YÊN, NAM ĐỊNH, THÁI BÌNH, HÀ TĨNH,	Đề nghị bổ sung vốn để có thêm nguồn lực phân đầu hoàn thành các mục tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 Thủ tướng Chính phủ.

	QUẢNG NAM, BÌNH ĐỊNH, SÓC TRĂNG	
11	THÁI NGUYÊN, ĐẮK LẮK, CÀ MAU	Đề nghị điều chỉnh nguyên tắc phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ) theo hướng: - Nguồn vốn ngân sách Trung ương (gồm cả vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) hỗ trợ tất cả các xã, bao gồm cả các xã khó khăn và đặc biệt khó khăn. - Bổ sung các tiêu chí thì độ chính xác, sự phù hợp với thực tế các tiêu chí càng cao; tiêu chí đưa ra tính điểm phân bổ nên chú trọng vào các tiêu chí cần bổ sung nguồn lực đầu tư, đặc biệt là các tiêu chí cần nguồn lực đầu tư lớn; Xem xét, bổ sung và tính hệ số cao đối với các tiêu chí như tổng số km giao thông nông thôn cần đầu tư; tỷ lệ hộ nghèo; tổng số hộ nghèo; tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số; thu nhập bình quân đầu người; diện tích tự nhiên khu vực nông thôn của địa phương; diện tích đất rừng của từng địa phương... vào tiêu chí tính điểm phân bổ thực hiện Chương trình. - Bổ sung quy định thống nhất mức khen thưởng phúc lợi cho các xã, huyện tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.
12	TUYÊN QUANG, CAO BẰNG, ĐIỆN BIÊN, QUẢNG NAM, GIA LAI, SÓC TRĂNG, ĐỒNG THÁP	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Ban hành mẫu chi tiết thuyết minh các dự án thí điểm của trung ương thực hiện các chương trình chuyên đề xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để địa phương vận dụng triển khai thực hiện. - Phê duyệt danh mục các mô hình chỉ đạo điểm của Trung ương thuộc các chương trình chuyên đề; đối với các địa phương không nằm trong danh mục chỉ đạo điểm, đề nghị tăng cường tập huấn, hướng dẫn, tham quan học tập để áp dụng triển khai trên địa bàn các tỉnh, đặc biệt là kinh nghiệm thực hiện CT OCOP cho cán bộ các cấp; sớm triển khai ứng dụng công nghệ số trong hoạt động lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. - Sớm hướng dẫn thực hiện nội dung Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện. - Hướng dẫn các mô hình thí điểm thuộc các Chương trình chuyên đề giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt danh mục để làm cơ sở cho địa phương triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện dự án/kế hoạch, đảm bảo tiến độ thực hiện và giải ngân hết vốn đến cuối năm 2023

13	CAO BẰNG	Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn về đầu tư cấp huyện. Nguồn vốn đầu tư cấp huyện để đầu tư một số công trình để đạt tiêu chí huyện nông thôn mới thực hiện trên địa bàn thị trấn thuộc huyện (trong khi thị trấn không thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới) có được đầu tư hay không và nguồn vốn đầu tư cấp huyện có được thực hiện đầu tư trên địa bàn các xóm, xã thuộc huyện để đạt tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao?
14	LẠNG SƠN, T.P HÀ NỘI, NINH BÌNH, THANH HÓA, HÀ TĨNH, LÂM ĐỒNG, T.P HỒ CHÍ MINH, ĐỒNG NAI, LONG AN, TIỀN GIANG, CẦN THƠ, HẬU GIANG, AN GIANG, CÀ MAU	Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sớm có văn bản thay thế Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 5/10/2016. Trong đó: - Đề xuất thành lập Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, huyện trên cơ sở gộp chung 3 cơ quan, giúp việc của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, huyện trên phạm vi toàn quốc. Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, huyện là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo; được giao nhiệm vụ, quyền hạn; có tổ chức bộ máy độc lập đảm bảo chuyên trách, chuyên nghiệp, ổn định và sử dụng biên chế trong tổng biên chế được giao theo thẩm quyền. - Quy định rõ “Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh hay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, là đơn vị quản lý nhà nước hay đơn vị sự nghiệp và được giao định mức biên chế là bao nhiêu người. - Quy định thống nhất về hệ số phụ cấp kiêm nhiệm cho lực lượng cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM ở các cấp.
15	ĐIỆN BIÊN	Đề nghị sớm phân bổ vốn thực hiện các chuyên đề tại các QĐ số 922/QĐ-TTg, 923/QĐ-TTg, 924/QĐ-TTg, 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của TTCP.
16	BẮC NINH	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM, thôn NTM kiểu mẫu vào Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 2/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
17	NINH BÌNH	Để khích lệ, động viên các địa phương hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, đề nghị Thủ tướng Chính phủ có quy định thưởng đặc thù cho các địa phương được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới như các giai đoạn trước.

18	ĐÀ NẴNG	Đề nghị sớm ban hành bộ tiêu chí chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới và hướng dẫn thực hiện.
19	QUẢNG NAM	Kính đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương có ý kiến chỉ đạo các Bộ, ngành: - Sớm có hướng dẫn thực hiện đánh giá các tiêu chí NTM cấp xã, huyện đối với các nội dung nâng cao, kiểu mẫu để tạo điều kiện cho địa phương tổ chức đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn NTM. - Xem xét phân cấp cho cấp tỉnh trong phê duyệt các danh mục trong Chương trình chuyên đề. - Cho phép các xã đặc biệt khó khăn thuộc các huyện nghèo, khi đạt chuẩn NTM thì được duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí của vùng Trung du miền núi phía Bắc.
20	QUẢNG NAM	Đề nghị Trung ương xem xét: - Hướng dẫn việc sử dụng vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động sản xuất, OCOP cho hợp tác xã, doanh nghiệp (tài sản hình thành sau đầu tư là tài sản công nhưng hỗ trợ cho HTX, doanh nghiệp thực hiện các dự án trong Chương trình MTQG thì xử lý, bàn giao tài sản như thế nào? Có được áp dụng cơ chế đặc thù như Nghị định số 38/2023/NĐ-CP cho một số đối tượng chính sách). - Có chỉ đạo, định hướng trong xây dựng NTM đối với cấp huyện, xã thuộc diện sáp nhập huyện, xã trong lộ trình sáp nhập đến năm 2025 và đến năm 2030 (nhất là việc định hướng tính như thế nào đối với 1 xã đã đạt chuẩn sáp nhập với 1 xã chưa đạt chuẩn hoặc 2 xã chưa đạt chuẩn sáp nhập với xã đã đạt chuẩn hoặc sáp nhập một phần xã chưa đạt chuẩn với xã đã đạt chuẩn).
21	CẦN THƠ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần hướng dẫn cụ thể chi tiết cách đánh giá chỉ tiêu 13.8 “Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường) để địa phương có căn cứ tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả.
22	ĐỒNG THÁP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xem xét cho địa phương cơ chế linh động, tự điều tiết kinh phí vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ để thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình NTM và các Chương trình chuyên đề theo nhu cầu thực tế của địa phương để phát huy hiệu quả sử dụng vốn,

		đảm bảo tiến độ thực hiện và giải ngân hết vốn đến cuối năm 2023 và hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch năm đề ra.
23	LẠNG SƠN	Đề nghị Trung ương điều chỉnh giảm phần kinh phí sự nghiệp năm 2023 và năm 2022 kéo dài sang năm 2023 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh Lạng Sơn do kinh phí phân bổ nhiều hơn nhu cầu. Tổng kinh phí đề nghị điều chỉnh giảm (trả lại NSNN) là 1,597 tỷ đồng (bao gồm: năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 1,397 tỷ đồng, năm 2023 là 0,2 tỷ đồng).



Phụ lục VII

BỘ NỘI VỤ

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	SƠN LA, ĐIỆN BIÊN	Đề nghị các Bộ, cơ quan Trung ương xem xét, báo cáo Chính phủ có chính sách đặc thù, thu hút đối với cán bộ làm công tác dân tộc ở các cấp và bổ sung biên chế công chức làm công tác dân tộc cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
2	LÀO CAI	Có chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các xã thuộc huyện nghèo (theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025) hiện đang hưởng phụ cấp khu vực 0,7 theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTB&XH-UBND ngày 05/01/2005 được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ nhằm thu hút nhân lực về công tác, làm việc tại các huyện nghèo.
3	LÀO CAI, NINH BÌNH, THỪA THIÊN HUẾ, GIA LAI, AN GIANG, CÀ MAU	Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn, cơ sở pháp lý về việc đánh giá, xếp loại; thẩm quyền đánh giá, xếp loại; thời điểm đánh giá, xếp loại... đối với chỉ tiêu 9.1 “Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên” trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.



Phụ lục VIII
BỘ QUỐC PHÒNG

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	QUẢNG TRỊ	Đề nghị Bộ Quốc phòng xem xét sớm có quy định hướng dẫn về việc thành lập chi bộ quân sự cấp xã, để các ĐP có cơ sở triển khai thực hiện và đánh giá tiêu chí 19.1 trong bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao



Phụ lục IX
BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	HÀ GIANG	Về thủ tục chứng từ thanh toán, quyết toán đối với dự án đầu tư theo cơ chế đặc thù: Tại khoản 4 Điều 13 Nghị định 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP) quy định “Ưu tiên sử dụng lao động, vật liệu tại chỗ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù. Đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được xác định trên cơ sở giá thị trường được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận”. Ban phát triển thôn (nhà thầu thi công), cơ bản mua vật liệu tại chỗ (gỗ và một số vật liệu phụ khác) tại nơi đầu tư xây dựng công trình của tổ đội, người dân tại địa phương khai thác, bán. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP) quy định “Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán dự án công trình đặc thù thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công”, nên khi quyết toán dự án, chứng từ mua vật liệu phải có hóa đơn GTGT. Tại các xã của tỉnh Hà Giang một số vật liệu phụ do các tổ, đội và người dân bán, nên không có hóa đơn GTGT, dẫn đến khó khăn cho thủ tục chứng từ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành đối với các công trình áp dụng cơ chế đặc thù được nêu trên. Đề nghị Chính phủ xem xét quy định theo hướng đồng bộ quan điểm “ưu tiên” với thủ tục thanh quyết toán.
2	ĐIÊN BIÊN	Đề nghị TTCP xem xét sửa đổi cho phép được tạm ứng trước 50% kinh phí khi triển khai thực hiện kế hoạch, mô hình, dự án hỗ trợ sản xuất.
3	NINH THUẬN	Tại khoản 5, Điều 2 Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội, trong đó cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư và sự nghiệp của ngân sách Trung ương năm 2022 của 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giải ngân được thực hiện đến ngày 31/12/2023. Riêng vốn sự nghiệp thuộc ngân sách địa phương hiện chưa có văn bản hướng dẫn cho phép chuyển dự toán sang năm sau

		theo quy định của Luật ngân sách. Để bảo đảm giải ngân hết số vốn sự nghiệp trong kế hoạch năm 2022, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; UBND tỉnh kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép các địa phương được phép áp dụng cơ chế chuyển nguồn kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách địa phương năm 2022 của 3 Chương trình mục tiêu quốc gia theo như tinh thần Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội nói trên.
4	GIA LAI	Hiện nay, mức hỗ trợ tiền ăn cho người lao động trong thực hiện các Chương trình mục tiêu còn thấp so với thực tế. Đề nghị Chính phủ điều chỉnh mức hỗ trợ tiền ăn cho người học thuộc đối tượng thụ hưởng từ 30.000 đồng/người lên 50.000 đồng/người, ngày thực học.
5	QUẢNG TRỊ	Tại khoản 5, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 9, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định việc thực hiện cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của chương trình MTQG sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển theo hình thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt, việc “Thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, các quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính”. Tuy nhiên, việc thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo hình thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt hiện nay chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính nên địa phương chưa có sở để triển khai thực hiện.
6	LÂM ĐỒNG	Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương: - Quy định mức chi cụ thể cho hoạt động văn hóa, thể thao cấp xã phường, thị trấn. Vì hiện nay mức chi cho hoạt động này ở địa phương rất thấp (hàng năm trung bình khoảng 30 triệu đồng/năm), không đủ để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên. - Định mức chi cụ thể để duy trì các hoạt động tuyên truyền, phục vụ các nhiệm vụ chính trị cũng như hỗ trợ cán bộ làm công tác quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở theo Quyết định số 2563/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2015 về việc phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn.

7	GIA LAI	Bổ sung hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán đối với các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh cho địa phương để triển khai thực hiện; bổ sung nội dung chi trả cho Cộng tác viên dinh dưỡng (CTMTQG PT KTXH Vùng ĐBDTTS và MN).
8	TUYÊN QUANG	Đề nghị Trung ương hướng dẫn cụ thể quy trình thanh quyết toán đối với nguồn vốn đầu tư của các nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất.
9	YÊN BÁI, ĐIỆN BIÊN, GIA LAI, TRÀ VINH	Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương hướng dẫn việc xây dựng đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để có cơ sở đặt hàng theo quy định.
10	VĨNH LONG	Kiến nghị Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn quy định rõ về mức hỗ trợ cho dự án, tiểu dự án và mức hỗ trợ cho một hộ khi tham gia thực hiện dự án, tiểu dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo để địa phương sớm triển khai thực hiện
11	TUYÊN QUANG	Việc quy định cụ thể về trình tự thủ tục để Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội nhận chứng từ và thanh quyết toán cho người lao động đã gây khó khăn trong việc hướng dẫn và thực hiện hỗ trợ người lao động tại địa phương.
12	NINH THUẬN	Hướng dẫn định mức chi trong thực hiện các hoạt động “thiết kế, tổ chức cơ sở dữ liệu về người lao động” và “thu nhập, chuẩn hóa, nhập dữ liệu” thuộc Tiểu dự án 3 về hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Dự án 4.
13	QUẢNG NAM	Kính đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương có ý kiến chỉ đạo các Bộ, ngành sớm hướng dẫn thực hiện thanh toán các Chương trình chuyên đề trong Chương trình NTM.
14	HÀ TĨNH	Đề nghị kịp thời sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền PBGDPL.



Phụ lục X
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	ĐIỆN BIÊN	Đề nghị Trung ương bổ sung quy định không bắt buộc phải đầu tư công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất từ 200 m3/ngày, đêm; cho phép công nhận hoàn thành tiêu chí 7.4 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới trong trường hợp không đầu tư công trình xử lý nước thải tập trung nhưng đảm bảo môi trường nước không bị ô nhiễm, đáp ứng điều kiện sống.
2	BÌNH ĐỊNH, SÓC TRĂNG	Đề nghị Trung ương sớm hướng dẫn thực hiện tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng...



Phụ lục XI

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	ĐỒNG THÁP	Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bố trí kế hoạch vốn năm 2024 để thiết lập Cụm thông tin điện tử công cộng (màn hình điện tử 02 mặt, diện tích 30-32m2) tại khu vực Cửa khẩu quốc tế Thường Phước thuộc xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự.
2	DIỆN BIÊN	Đề nghị hướng dẫn chi tiết về cách thống kê, cách đánh giá về chỉ tiêu tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản thuộc tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao.





Phụ lục XII

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	ĐẮK NÔNG	Đề nghị Bộ VHTTDL xem xét hướng dẫn, phân cấp cho tỉnh thẩm định danh mục các dự án đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ VHTTDL tại hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 3/3/2022.



Phụ lục XIII
BỘ XÂY DỰNG

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	HÀ GIANG	Về áp dụng tính toán các chi phí quản lý dự án đặc thù: Theo quy định tại Nghị định số 27/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành “quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình”. UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định 22/2022/QĐ-UBND ngày 26/10/2022, quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với dự án đầu tư theo cơ chế đặc thù, trong đó quy định mức chi phí áp dụng chung cho tất cả các hạng mục công trình (giao thông, xây dựng dân dụng, nông nghiệp và PTNT...) và chỉ phân ra 3 mức để tính tỷ lệ % (ví dụ: dự án có mức đầu tư dưới 01 tỷ, chi phí quản lý dự án là 2,2%; từ 1 đến dưới 3 tỷ là 1,9%...). Tuy nhiên theo quy định tại khoản 5, Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP) lại quy định “Chi phí hỗ trợ đầu tư, quản lý dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư xây dựng”. Do đó, các chi phí quản lý dự án, chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư... các dự án đặc thù vẫn phải tính theo đúng quy định (giá dự toán dự án được phê duyệt x tỷ lệ % của từng loại hạng mục công trình). Như vậy việc đưa nội dung chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án ở đây được hiểu như thế nào? Nếu thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng thì mâu thuẫn với Điều 40 về việc giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Đề nghị Chính phủ xem xét chỉ đạo rõ hơn nội dung này.

2	HÀ GIANG	Việc quản lý vận hành và bảo trì công trình theo cơ chế đặc thù: Việc quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù nhưng chi phí bảo trì công trình xây dựng lại được xác định bằng phương pháp lập dự toán theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình (khoản 3 Điều 19 Nghị định 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP) và giao cho UBND tỉnh quy định (điểm d khoản 4 Điều 40), như vậy dẫn tới phát sinh một số chi phí gián tiếp (tư vấn, quản lý, chi khác), làm cho chi phí giá thành công trình cao nhưng hiệu quả sửa chữa, bảo trì công trình thấp, trong khi nguồn vốn còn rất khó khăn. Đề nghị Chính phủ xem xét chỉ tính chi phí sửa chữa trực tiếp và chi phí lập dự toán.
3	HÀ GIANG	Thực hiện Dự án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh Hà Giang đã ban hành mức hỗ trợ nhà ở từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, trong đó: Xây dựng mới nhà ở là 44 triệu đồng/hộ gia đình (Ngân sách Trung ương hỗ trợ 40 triệu đồng; Ngân sách địa phương hỗ trợ 4 triệu đồng); Sửa chữa nhà ở là 22 triệu đồng/hộ gia đình (Ngân sách Trung ương hỗ trợ 20 triệu đồng; Ngân sách địa phương hỗ trợ 2 triệu đồng). Hiện nay với mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 44 triệu đồng/hộ là rất khó khăn để các hộ nghèo tại các huyện nghèo của tỉnh Hà Giang xây nhà mới, đảm bảo tiêu chí diện tích sử dụng tối thiểu 30m ² , đảm bảo “3 cứng” (nền - móng cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên. Năm 2023 bắt đầu triển khai, một số hộ xin rút khỏi danh sách hỗ trợ của đề án do không có khả năng bổ sung kinh phí đối ứng làm nhà. Trong khi đó, cùng nội dung hỗ trợ nhà ở từ Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN, ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ, các hộ được phép vay thêm vốn tín dụng từ Ngân hàng chính sách xã hội (theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ). Đề nghị Chính phủ xem xét ban hành chính sách cho phép các hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng hỗ trợ nhà ở từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được vay thêm nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội để bổ sung thêm vào kinh phí xây dựng nhà ở ngoài phần ngân sách nhà nước hỗ trợ (xem xét áp dụng chính sách cho vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát

		triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025).
4	CAO BẰNG	Đề nghị Bộ Xây dựng: - Nghiên cứu các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các trường hợp đã được hỗ trợ từ các Chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở từ lâu nhưng hiện nay đã hư hỏng, xuống cấp cần được hỗ trợ; hoặc các hộ thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở trong năm 2022 nhưng chưa được Trung ương hỗ trợ đã mạnh dạn vay tiền xây nhà ở (đã hoàn thành đưa vào sử dụng) nhưng đến khi cấp kinh phí triển khai thực hiện vào năm tiếp theo (năm 2023) của giai đoạn 2021-2025 thì đã thoát nghèo. - Tham mưu, kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ xem xét hỗ trợ về nhà ở từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo đã được hỗ trợ theo các Chương trình, chính sách khác (Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg, Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg...) hiện nay vẫn đang khó khăn về nhà ở.
5	HÀ TĨNH	Đề nghị Bộ Xây dựng sớm ban hành Thông tư để thay thế Thông tư số 13/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới hoặc có hướng dẫn thi hành trong trường hợp vẫn tiếp tục áp dụng Thông tư.
6	ĐỒNG NAI	Đề nghị sửa đổi Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Lý do: Nên mở rộng địa bàn không nên chỉ thực hiện ở các huyện nghèo, đồng thời nghiên cứu nâng mức hỗ trợ 40 triệu đồng/căn xây mới và 20 triệu đồng/căn sửa chữa cho hộ nghèo là quá thấp khó thực hiện.



Phụ lục XIV

BỘ Y TẾ

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	LÀO CAI, LAI CHÂU	Đề nghị Bộ Y tế: - Điều chỉnh danh mục cây dược liệu để đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tiễn, tại Quyết định 3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 của Bộ Y tế. - Sửa đổi Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 5/9/2022, bổ sung hỗ trợ kinh phí sàng lọc Thalassemia trước kết hôn cho tỉnh Lào Cai. - Sớm có văn bản hướng dẫn các nội dung chi, mức chi về đào tạo Bác sỹ chuyên khoa II trong Dự án 7 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Sớm ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế quy định “mức chi hỗ trợ cho các dự án dược liệu quý sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ” do Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ đang vướng mắc không triển khai thực hiện được.
2	YÊN BÁI, ĐIỆN BIÊN	Sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể và tổ chức tập huấn về: - Việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em từ 5 đến 16 tuổi và các hoạt động điều tra thu thập số liệu ban đầu tại các địa phương thuộc phạm vi của tiểu dự án 2 - Dự án 3 Chương trình MTQG kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. - Hoạt động khảo sát tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai và phụ nữ độ tuổi sinh đẻ; hoạt động đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ từ 5-16 tuổi và Tổ chức bữa ăn học đường. - Hướng dẫn thống nhất nội dung tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến huyện, xã, thôn bản và nhân viên y tế trường học.

3	SÓC TRĂNG	Kiến nghị Bộ Y tế: (i) Xem xét bổ sung thêm hình thức đào tạo liên tục cho cán bộ y tế theo Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế trong Nội dung 1 của Dự án 7; (ii) Xem xét hỗ trợ trực tiếp việc triển khai mô hình điểm (Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời) để địa phương triển khai và nhân rộng mô hình; (iii) Việc thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em: kiến nghị hướng dẫn việc quản lý chỉ số bà mẹ, trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà 3 lần/42 ngày sau đẻ (hiện nay phần mềm báo cáo thống kê chưa có nội dung này); (iv) Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực tuyển tỉnh trong quản lý, tổ chức triển khai các nội dung của Dự án 7.
4	QUẢNG TRỊ	Theo nguyên tắc tiêu chí phân vốn tại Quyết định 39 của Trung ương, tỉnh Quảng trị đã xây dựng nguyên tắc tiêu chí và đã có dự kiến phân bổ vốn cho nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Bộ Y tế thì phạm vi thực hiện nội dung này chỉ được thực hiện ở một số tỉnh đã được nêu rõ tại Quyết định số 1486/QĐ-BYT ngày 31/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Tỉnh Quảng Trị đã xây dựng chính sách, ban hành Đề án phát triển được liệu gắn với xây dựng sản phẩm OCOP, đề nghị các Bộ, ngành Trung ương quan tâm bổ sung tỉnh Quảng Trị được hưởng các chính sách tại nội dung số 2, tiểu dự án 2, dự án 3: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý.
5	ĐIỆN BIÊN	Đề nghị sớm có hướng dẫn về tiêu chí, thành phần bắt buộc của sản phẩm dinh dưỡng đảm bảo chất lượng và sản phẩm này phải được lưu hành trên phạm vi toàn quốc để các địa phương đấu thầu, mua sản phẩm này đáp ứng nhu cầu cấp hỗ trợ sản phẩm dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em và mô hình chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời để tỉnh triển khai áp dụng. Hướng dẫn cụ thể các hoạt động xây dựng và triển khai mô hình các dịch vụ can thiệp về dân số kế hoạch hóa gia đình.

6	BÌNH ĐỊNH	Đề nghị Bộ Y tế sớm sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 để thực hiện nội dung về “Cải thiện dinh dưỡng”. Lý do, Quyết định 1768/QĐ-BYT quy định dẫn chiếu Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ Y tế. Tuy nhiên hiện nay trên thị trường không có các sản phẩm dinh dưỡng, vi chất có liều lượng theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT, nên các địa phương không thể tổ chức đấu thầu, mua sắm để cung cấp cho các đối tượng thụ hưởng của chương trình.
7	ĐẮK NÔNG	Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương hướng dẫn ĐP về việc bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vốn vay ODA của Ngân hàng ADB thuộc CTMTQG xây dựng NTM thực hiện theo tỷ lệ đối ứng 1:1 tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg hay theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
8	YÊN BÁI, ĐIỆN BIÊN, HÀ NAM, THỪA THIÊN HUẾ, BÌNH ĐỊNH, GIA LAI	Sớm có hướng dẫn triển khai thực hiện đối các chỉ tiêu, như: Chỉ tiêu 15.4 (Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử) thuộc Tiêu chí 15 (Y tế đối với xã nông thôn mới); Chỉ tiêu 14.4 (Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử) thuộc Tiêu chí 14 (Y tế đối với xã nông thôn mới nâng cao) để địa phương có căn cứ thực hiện (thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới).
9	HÀ TĨNH, BÌNH ĐỊNH, TÂY NINH	Đề nghị Bộ Y tế: - Xem xét, đề xuất Chính phủ chưa thực hiện áp dụng trong giai đoạn 2021-2025 đối với Tiêu chí: (i). Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử; (ii). Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (chuyển sang thực hiện giai đoạn sau 2025). - Sớm ban hành hướng dẫn cụ thể tiêu chí Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt chuẩn quốc gia trong thực hiện Đề án thí điểm đạt chuẩn nông thôn mới.
10	LAI CHÂU	Đề nghị các Bộ, ngành trung ương sớm cho ý kiến về điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Lai Châu thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để Tỉnh triển khai thực hiện

11	AN GIANG	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 5.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) thuộc tiêu chí 5 (thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao ban hành kèm Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).
----	----------	--



Phụ lục XV
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	HẢI DƯƠNG	Đề nghị Chính phủ bổ sung một số đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội như (hộ có mức sống trung bình làm nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp vay vốn sản xuất, kinh doanh, tạo sinh kế, tạo việc làm; hộ cận nghèo vay vốn chương trình nhà ở..) phù hợp với thực tiễn nhằm thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững và bảo đảm an sinh xã hội.
2	ĐÀ NẴNG	Đề nghị Trung ương: - Bổ sung chính sách tín dụng cho vay đối với hộ có mức sống trung bình theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. - Bổ sung chính sách hỗ trợ cho hộ thoát nghèo để đảm bảo hộ thoát nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo. - Có giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp nhất là doanh nghiệp và tư nhân ở khu vực thành thị nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, nhất là giải quyết việc làm cho người nghèo.
3	PHÚ YÊN	Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương: - Tiếp tục tạo điều kiện bổ sung nguồn vốn cho vay hỗ trợ tạo việc làm, đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của người lao động. - Nâng mức cho vay một số chương trình phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn mới, như: nâng mức cho vay chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn tối đa 100 triệu đồng và không phải thực hiện bảo đảm tiền vay; cải tạo sửa chữa nhà ở tối đa không quá 1 tỷ đồng; nâng mức cho vay người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng tối đa bằng 100% chi phí hợp đồng, không phải thực hiện bảo đảm tiền vay. - Bổ sung đối tượng hộ có mức sống trung bình được vay vốn tín dụng chính sách để có nguồn vốn sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế.

4	VĨNH PHÚC	Đề nghị chính phủ xem xét điều chỉnh mức lãi suất cho vay đối với hộ cận nghèo bằng với mức lãi suất cho vay hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.
---	------------------	--



Phụ lục XVI
ỦY BAN DÂN TỘC

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	YÊN BÁI, LẠNG SƠN, LAI CHÂU, BÌNH ĐỊNH, BÌNH THUẬN	Đề nghị Ủy ban Dân tộc và các bộ ngành có liên quan quan tâm bố trí thêm nguồn lực để tỉnh triển khai thực hiện CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN, đặc biệt là bổ sung thêm nguồn lực để thực hiện nội dung hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất.
2	QUẢNG TRỊ, SÓC TRĂNG, CÀ MAU	Đề nghị TW cho phép ĐP linh động điều chỉnh kinh phí dự toán năm 2022, 2023 giữa các dự án, nội dung trong cùng 1 dự án đảm bảo không thay đổi tổng dự toán của từng dự án thuộc CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN.
3	HÀ GIANG, SƠN LA, ĐIỆN BIÊN, NGHỆ AN, QUẢNG BÌNH, TRÀ VINH, AN GIANG, BẠC LIÊU, AN GIANG	Đề nghị Ủy ban Dân tộc có văn bản hướng dẫn thực hiện và tháo gỡ khó khăn cho địa phương trong việc áp dụng định mức nguồn vốn ngân sách trung ương theo quy định tại Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của TTgCP: - Điều chỉnh tăng các định mức: Bình quân 1.600 triệu đồng/km đối với nội dung đầu tư cứng cở đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa, hỗ trợ bình quân 4.400 triệu đồng/chợ để đầu tư xây dựng mới và bình quân 800 triệu đồng/chợ để cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) theo hướng cho phép địa phương được sử dụng NSTW hỗ trợ 100% để thực hiện nội dung hỗ trợ (đặc biệt là nội dung hỗ trợ cứng hóa đường đến trung tâm xã). - Hướng dẫn các điều khoản chuyển tiếp trong triển khai Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 quy định một số định mức và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công trong trường hợp địa phương đã triển khai phân bổ vốn năm 2022 và năm 2023 của Chương trình khi QĐ chưa ban hành nên khó khăn trong việc điều tiết định mức.

4	HÀ GIANG, TUYỀN QUANG, CAO BẰNG, LÀO CAI, YÊN BÁI, THÁI NGUYÊN, BẮC CẠN, BẮC GIANG, ĐIỆN BIÊN, THỪA THIÊN HUẾ, QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN, KHÁNH HÒA, BÌNH THUẬN, GIA LAI	Đề nghị Ủy ban Dân tộc: - Ban hành Bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc, thống nhất Chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 5; Bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc thuộc Tiểu dự án 4 của Dự án 5 của Chương trình. - Tiếp tục hướng dẫn chi tiết quy trình, phương thức triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 của Dự án 5 về bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đã hoàn thành đề nghị trả lời)
5	HÀ GIANG, TUYỀN QUANG, CAO BẰNG, LÀO CAI, YÊN BÁI, BẮC CẠN, ĐIỆN BIÊN, THANH HÓA, QUẢNG BÌNH, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN, KHÁNH HÒA, ĐẮK NÔNG, GIA LAI, BÌNH PHƯỚC	Đề nghị Ủy ban Dân tộc ban hành danh thôn có dân tộc khó khăn đặc thù, hoặc hướng dẫn tiêu chí xác định thôn, bản tập trung đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù;



6	HÀ GIANG, TUYỀN QUANG, CAO BẰNG, LÀO CAI, YÊN BÁI, BẮC CẠN, ĐIỆN BIÊN, THANH HÓA, QUẢNG BÌNH, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN, KHÁNH HÒA, ĐẮK NÔNG, GIA LAI, BÌNH PHƯỚC	Đề nghị Ủy ban Dân tộc hướng dẫn cụ thể về trình tự thủ tục, định mức hỗ trợ, cơ chế thu hồi một phần vốn thuộc Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với các hộ dân tộc còn gặp nhiều khó khăn của Tiểu dự án 1, Dự án 9; Hoặc, chuyển chuyển từ hình thức cho vay sang hỗ trợ trực tiếp cho đồng bào.
7	HÒA BÌNH	Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm tham mưu ban hành tiêu chí đánh giá, xác định thôn, xóm thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn để tỉnh có cơ sở đánh giá.
8	CAO BẰNG, LÀO CAI, LẠNG SƠN, BẮC CẠN, BẮC GIANG, HÒA BÌNH, QUẢNG NAM, ĐẮK LẮK, GIA LAI, TRÀ VINH, SÓC TRĂNG	Đề nghị tham mưu Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định 861/QĐ-TTg theo hướng các xã đặc biệt khó khăn khi hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới tiếp tục thụ hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước đến năm 2025. Như: - Ban hành chính sách hỗ trợ một phần mức đóng BHYT cho 05 dân tộc thiểu số (Bố Y, Hà Nhì, La Chí, Phù Lá, Mông) có khó khăn đặc thù sinh sống ở các xã khó khăn và các xã mới hoàn thành xây dựng nông thôn mới. - Tiếp tục áp dụng chính sách tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 thêm 03 năm đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các xã hoàn thành nông thôn mới thành xã khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. - Cho phép các xã đặc biệt khó khăn khi đạt chuẩn NTM thì đối với các chế độ an sinh xã hội cho người dân nên cho phép người dân được hưởng thêm ít nhất 05 năm, kể từ năm đạt chuẩn để giảm bớt khó khăn cho các xã ở miền núi. - Tiếp tục hỗ trợ tiền ăn, tiền ở cho học sinh bán trú ở khu vực II và xã khu vực III đạt chuẩn nông thôn mới.

9	TUYÊN QUANG	Xem xét, phê duyệt để tỉnh Tuyên Quang được phân bổ nguồn vốn ODA của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển Châu Á để lồng ghép, đầu tư nâng cao hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
10	LẠNG SƠN	Đề nghị xem xét không quy định nguyên tắc thực hiện “tất cả các xã, thôn thuộc diện đầu tư được phân bổ vốn của tiểu dự án” để các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra trong thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc.
11	SƠN LA, LAI CHÂU	Đề nghị Ủy ban Dân tộc tham mưu Chính phủ phê duyệt và bố trí kinh phí để triển khai thực hiện dự án sử dụng vốn Chính sách Phát triển hỗ trợ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.
12	LÀO CAI	Đề nghị Ủy ban Dân tộc báo cáo Chính phủ cho phép điều chỉnh một số cơ chế chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, như: - Việc hỗ trợ đất ở, nhà ở, nên áp dụng hỗ trợ như vốn sự nghiệp khi người dân tự giải quyết xong đất ở, nhà ở, được chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương thừa nhận hoặc có giấy chứng nhận hợp pháp (như đối với đất ở), thì cấp kinh phí hỗ trợ, để giảm bớt thủ tục hành chính phức tạp. - Việc hỗ trợ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đề nghị bỏ quy định: yêu cầu mô hình khởi nghiệp được hỗ trợ phải tạo việc làm, có hợp đồng thu mua sản phẩm cho ít nhất 15 hộ gia đình thuộc địa bàn xã khu vực III; cần có hướng dẫn cụ thể hơn phương pháp lập dự toán hay điều kiện được hỗ trợ chi phí hợp đồng đặt hàng cơ sở viện, trường nghiên cứu thử nghiệm phát triển sản phẩm; Đề nghị bổ sung (mở rộng) nội dung chi thực hiện hỗ trợ mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh thuộc tiểu dự án 2, dự án 3.

13	YÊN BÁI	Báo cáo Chính phủ sớm tiếp nhận khoản hỗ trợ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài để thực hiện Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi (tỉnh Yên Bái đề xuất thực hiện 10 dự án với tổng kinh phí 188 tỷ đồng, tại Văn bản số 3177/UBND-XD ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh).
14	LÀO CAI, QUẢNG TRỊ, GIA LAI, LÂM ĐỒNG	Đề nghị bổ sung, sửa đổi Thông tư số 02/2022/TT-UBND đối với một số nội dung: - Sửa đổi (Bãi bỏ nội dung) tại Điểm b, Khoản 1 Điều 19, Thông tư 02/2022/TT-UBND: “Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số”. - Bổ sung thêm khoản 1, Điều 9, Thông tư số 02/2022/TT-UBND “Cho phép người dân tự mua bán, chuyển nhượng đất sản xuất bằng nguồn kinh phí được hỗ trợ”, đồng thời tăng định mức hỗ trợ đất sản xuất bằng 44 triệu đồng/hộ (NSTW hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ; NSDP hỗ trợ 4 triệu đồng/hộ) (bởi vì theo dự thảo trước đây kinh phí hỗ trợ 22,5 triệu đồng/hộ là quá thấp so với giá đất tại thời điểm hiện tại nên người dân không thể chuyển nhượng đất bằng nguồn kinh phí này). - Bổ sung thêm khoản 2, Điều 47, Thông tư số 02/2022/TT-UBND “bổ sung thêm đối tượng đào tạo đại học là các sinh viên người DTTS sinh sống tại vùng đồng bào DTTS và miền núi sau khi học xong THPT được tuyển (thi hoặc xét tuyển 41 thẳng) vào các Trường đại học” và sớm ban hành Khung chương trình và tài liệu dạy tiếng dân tộc thiểu số. - Điều chỉnh đối tượng thụ hưởng của dự án 1 tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 cho phù hợp với đối tượng quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, sớm điều chỉnh bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-UBND.
15	HẬU GIANG	Đề nghị Ủy ban Dân tộc có văn bản hướng dẫn cụ thể về triển khai nội dung Nội dung 01 và Nội dung số 02 của Tiểu dự án 2, Dự án 9 về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS. <i>(Hiện nay, Trung ương không quy định UBND tỉnh là cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, do đó tỉnh không có cơ sở phê duyệt Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm).</i>

16	NINH BÌNH, THANH HÓA	Đề nghị Ủy ban Dân tộc: - Ban hành hướng dẫn các địa phương, xác nhận, tổng hợp, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. - Bổ sung đối tượng các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn (thuộc Dự án 9) được hỗ trợ có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng để chăn nuôi, phát triển sản xuất qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt vào nội dung vay vốn của Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022.
17	QUẢNG NGÃI, PHÚ YÊN	Hướng dẫn tiêu chí xây dựng, quản lý, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số và quy trình xây dựng mô hình điển hình tiên tiến thuộc nội dung số 01, tiểu dự án 1, dự án 10 CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN.
18	QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, ĐẮK NÔNG, ĐỒNG NAI, PHÚ YÊN, ĐẮK LẮK	Trong triển khai quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg, đề nghị: - Phê duyệt danh sách các thôn thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi cho các thôn không đáp ứng tiêu chí là thôn ĐBK để thực hiện các chính sách dân tộc. - Có hướng dẫn cụ thể và công nhận thôn, xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi đối với thôn, xã không thuộc địa bàn ĐBK nhưng đáp ứng đủ tiêu chí 15% hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. - Phê duyệt danh sách các thôn thuộc vùng DTTS theo kết quả rà soát quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, về tiêu chí phân định vùng ĐBDTTS và MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025. - Ban hành Quyết định thôn, ấp đạt điều kiện tại Điều 2 vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 đối với các ấp không nằm trong các xã khu vực III, II, I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

19	QUẢNG NGÃI	Bổ sung quy định việc “đón tiếp” các đoàn đại biểu người có uy tín trong đồng bào DTTS cho phù hợp với quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 03/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.
20	BÌNH ĐỊNH	Kinh phí đầu tư của Trung ương cấp cho Bình Định rất thấp (cả giai đoạn 2021 -2025 khoảng 13,985 tỷ đồng), trong khi đó nhu cầu thực tế cần hỗ trợ rất nhiều, cụ thể: Đất ở: 1.311 hộ; Nhà ở: 1.638 hộ; Đất sản xuất: 676 hộ; Công trình nước sinh hoạt tập trung: 34 công trình. Do đó, kính đề nghị Ủy ban Dân tộc xem xét rà soát, bổ sung kinh phí cho tỉnh khoảng 221 tỷ đồng để thực hiện các nội dung nêu trên
21	ĐẮK LẮK, SÓC TRĂNG	Đề nghị hướng dẫn việc chuyển đổi nguồn vốn được phân bổ thực hiện hỗ trợ đất sản xuất (vốn đầu tư) sang hỗ trợ chuyển đổi nghề (vốn sự nghiệp) để có cơ sở pháp lý, tham mưu triển khai thực hiện đối với các địa phương không còn quỹ đất để bố trí đất sản xuất.
22	SÓC TRĂNG	Ủy ban Dân tộc xem xét, sớm có văn bản phản hồi đối với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại Công văn số 2949/UBND-VX ngày 15/12/2022 về việc đề nghị xem xét đối với việc áp dụng định mức kinh tế, kỹ thuật thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện
23	BẠC LIÊU	Kiến nghị Ủy ban Dân tộc: - Xem xét, rà soát lại việc phân định các xã, ấp vùng đồng bào DTTS theo trình độ phát triển, trong đó, đề xuất bỏ nội dung quy định xã khu vực I là xã đã đạt chuẩn NTM hoặc điều chỉnh thành xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao, kiểu mẫu nhằm phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chuẩn nghèo mới giai đoạn 2021 - 2025; mở rộng đối tượng, địa bàn thụ hưởng các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tại các xã, ấp có tỷ lệ hộ nghèo, hộ nghèo DTTS cao hơn so với quy chuẩn xã đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhưng hiện nay chỉ là xã khu vực II, I.

		- Cho phép địa phương tự điều chỉnh định mức nguồn vốn đầu tư trong hỗ trợ nhà ở, đất ở trong tổng nguồn vốn Dự án 1 đã được phân bổ (đảm bảo vốn Trung ương không quá 40 triệu đồng), trong trường hợp số lượng hộ thụ hưởng giảm, nguồn vốn dồi dư. - Báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung sửa đổi, bổ sung Quyết định số 39/2019/QĐ-TTg, theo hướng mở rộng tiêu chí phân bổ vốn của tiểu dự án 4, dự án 5 từ các xã, ấp ĐBK (xã khu vực III) thành các xã, ấp vùng đồng bào DTTS (xã khu vực III, xã khu vực II, khu vực I); để tỉnh được phân bổ kinh phí thực hiện đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, cộng đồng.
24	BẠC LIÊU	Căn cứ vào Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội về việc dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; theo đó, tại khoản 5, Điều 2 của Nghị quyết đã cho phép chuyển vốn thực hiện CTMTQG năm 2022 thực hiện trong năm 2023, do đó, kiến nghị với các hộ thoát nghèo trong năm 2022 vẫn được xem xét giải quyết thụ hưởng chính sách nhà ở, đất ở của dự án 1 CTMTQG DTTS và MN.
25	PHÚ YÊN, GIA LAI	Đề nghị Ủy ban Dân tộc hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 10 của CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDTTS&MN: - Hướng dẫn nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 10 vì tại Điều 81 và Điều 83 Thông tư số 02/2022/TT-UBND hướng dẫn rất chung chung, các địa phương không thể lập danh mục dự án đầu tư (đối với nguồn vốn đầu tư công) để trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và triển khai thực hiện. - Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo Trung ương và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo Trung ương liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.
26	ĐỒNG NAI	Đề nghị ban hành cơ chế thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 đối với tỉnh, thành phố không còn xã, ấp (thôn) đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II, III.

27	SÓC TRĂNG	Kiến nghị Ủy ban Dân tộc: Xem xét, bố trí vốn cho một số Dự án, Tiểu dự án, nội dung hỗ trợ trực tiếp theo nhu cầu đăng ký kế hoạch vốn hằng năm của tỉnh. Đồng thời, xem xét mở rộng thêm đối tượng thụ hưởng cho hộ cận nghèo. Theo lộ trình phân bổ vốn năm sau nhiều hơn năm trước thì sẽ càng thừa vốn so với thực tiễn đối tượng thụ hưởng
28	CÀ MAU	Ủy ban Dân tộc quy định rõ hơn về quy trình, thủ tục thực hiện đối với Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết và Nội dung số 3, tiểu dự án 2 của Dự án 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS.
29	LẠNG SƠN	Đề nghị Trung ương điều chỉnh giảm phần kinh phí sự nghiệp năm 2023 và năm 2022 kéo dài sang năm 2023 của Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN của tỉnh Lạng Sơn do không còn đối tượng hoặc vướng thủ tục không thể thực hiện được. Tổng kinh phí đề nghị điều chỉnh giảm (trả lại NSNN) là 330,693 tỷ đồng (bao gồm: năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 86,119 tỷ đồng, năm 2023 là 244,574 tỷ đồng).
30	QUẢNG NAM	Kiến nghị các bộ, cơ quan trung ương: - Đề nghị Ủy Ban Dân tộc quan tâm phối hợp với Bộ Tài chính sớm có Văn bản hướng dẫn, trả lời đề tỉnh Quảng Nam tổ chức thực hiện nội dung xin ý kiến chuyển nguồn vốn sự nghiệp trung ương tại Tiểu dự án 1- Dự án 3, sang thực hiện nội dung Tiểu dự án 2 - Dự án 3. (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản số 2048/BNN-TCLN ngày 03/4/2023 đề nghị Ủy ban Dân tộc xin ý kiến của Bộ Tài chính). - Đề nghị Ủy Ban Dân tộc phối hợp với Bộ Tài chính có văn bản cho phép mở rộng nội dung và mức hỗ trợ thực hiện nội dung hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép từ nguồn vốn sự nghiệp (dự án 2), cụ thể như sau: Chi phí tháo gỡ và lắp đặt lại nhà ở (từ nơi ở cũ đến nơi ở mới), mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/nhà; Hỗ trợ để hộ gia đình phát triển sản xuất; mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ

31	BÌNH ĐỊNH	Bộ Tài chính xem xét cho phép điều chỉnh nguồn sự nghiệp kinh tế cấp năm 2023 của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù sang thực hiện nội dung khác phù hợp với điều kiện của địa phương, vì Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9 trên địa bàn tỉnh không thực hiện được (Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định có Văn bản số 2386/UBND-TH ngày 19/4/2023 về việc đề nghị điều chỉnh nguồn vốn Thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định).
32	BẠC LIÊU	Theo Quyết định phân bổ vốn của Thủ tướng Chính phủ, năm 2022 và năm 2023 nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có 02 dự án các đơn vị được giao thực hiện không giải ngân được vốn, cụ thể: - Phân bổ 1.795 triệu đồng (năm 2022 là 414 triệu đồng và năm 2023 là 1.381 triệu đồng) để thực hiện dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. - Phân bổ 481 triệu đồng (năm 2022 là 130 triệu đồng và năm 2023 là 351 triệu đồng) để thực hiện dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc. Tuy nhiên, tỉnh Bạc Liêu hiện nay không còn xã, ấp đặc biệt khó khăn và xã khu vực II nên không thể sử dụng số vốn được phân bổ này. Do đó, UBND tỉnh Bạc Liêu kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển số vốn trên cho các dự án, nội dung khác thuộc chương trình để triển khai thực hiện.

33	T.P HÀ NỘI	Đề nghị các Bộ ngành Trung ương tiếp tục có hướng dẫn, quy định cụ thể thực hiện CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN về: - Định mức hỗ trợ để địa phương có cơ sở thực hiện các dự án, nội dung của Chương trình. - Định mức kỹ thuật, định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và chi phí quản lý dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, du lịch, củng cố phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống. - Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với một số loại cây trồng, vật nuôi của dự án chưa có trong bộ định mức kinh tế- kỹ thuật.
----	-------------------	--



Phụ lục XVII
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Kèm theo Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị
1	HẢI DƯƠNG	Đề nghị Chính phủ bổ sung một số đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội như (hộ có mức sống trung bình làm nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp vay vốn sản xuất, kinh doanh, tạo sinh kế, tạo việc làm; hộ cận nghèo vay vốn chương trình nhà ở..) phù hợp với thực tiễn nhằm thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững và bảo đảm an sinh xã hội.
2	PHÚ YÊN	Đề nghị nâng mức cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn lên tối đa 20 triệu đồng/công trình; mức cho vay xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa nhà để ở tối đa không quá 1 tỷ đồng.